

EVERY DAY. EVERY ENGINE.

Passenger Car Lubricants

Engine oils from mineral to PAO full synthetic, automatic, CVT and wet dual-clutch transmission fluids, gear oil and coolant, for distributors, workshops and private-label brands.

Mỗi ngày, mỗi động cơ

Dầu động cơ từ khoáng đến tổng hợp PAO, dầu hộp số tự động, CVT và DCT ướt, dầu bánh răng và nước làm mát

WHY MOTTA

A full shelf of car oils, under your own label.

Cả một kệ dầu ô tô mang nhãn của bạn

MOTTA supplies passenger-car lubricants to importers, distributors and workshop chains, and runs private-label programmes under your own brand. Direct export supply, produced by our long-term manufacturing partner in China, contracted and invoiced by TIANSHU ENERGY GROUP CO., LIMITED in Hong Kong.

MOTTA cung cấp dầu nhờn xe con cho nhà nhập khẩu, nhà phân phối và chuỗi gara, đồng thời sản xuất theo nhãn của bạn. Cung ứng xuất khẩu trực tiếp, sản xuất tại đối tác nhà máy lâu năm của chúng tôi ở Trung Quốc; hợp đồng và hóa đơn do TIANSHU ENERGY GROUP CO., LIMITED (Hồng Kông) phát hành.

RETAIL-PACK SAMPLES

Free; you pay the freight, or it is credited to your first order.

Mẫu quy cách bán lẻ miễn phí

CONTAINER PROGRAMMES

Grades and pack sizes mixed in one container; trial quantities considered.

Chương trình theo container

YOUR OWN BRAND

Label design is free. Your brand on 1L, 4L and 200L packs.

Sản xuất nhãn riêng

24-HOUR REPLY

A real person answers every enquiry, weekends included.

Trả lời trong 24 giờ

WHAT WE SUPPLY

TIGER · M Series engine oils (mineral to PAO)

ATF · CVTF · Wet DCTF · GL-5 gear oil · OAT coolant

Dầu TIGER và dòng M · ATF · dầu CVT · dầu DCT ướt · dầu bánh răng · nước làm mát

9

engine oil ranges

15–25

working days to ship

EN TDS

for every product

9 dòng dầu động cơ · giao trong 15–25 ngày làm việc · TDS tiếng Anh cho mọi sản phẩm



Finished goods at our long-term manufacturing partner in China

APPLICATION MAP

Find the car. The oil follows.

Tìm đúng mẫu xe, dầu sẽ theo sau

VEHICLE / REQUIREMENT	WHAT THE OWNER'S MANUAL ASKS FOR	MOTTA PRODUCT	PACKS
Older cars, mineral oil specified Xe đời cũ, sổ tay chỉ định dầu khoáng	API SL / SN · 5W-30 to 10W-40	M1000 Mineral	4L · 200L
Everyday cars, API SP Xe đi hằng ngày, API SP	API SP · 5W-30 / 5W-40	M2000 Semi-synthetic	4L · 200L
Modern petrol engines, API SQ Động cơ xăng đời mới, API SQ	API SQ · ILSAC GF-7A · 5W-30 / 5W-40	TIGER BLUE · M3000 Full synthetic	1L · 4L · 200L
Hybrids and low-viscosity Asian models Xe hybrid và các mẫu Nhật/Hàn độ nhớt thấp	ILSAC GF-7A · 0W-20	TIGER RED · M5000 Full synthetic	1L · 4L · 200L
Turbo petrol, GM / Ford / BMW / MB specs Xe xăng tăng áp, quy cách GM, Ford, BMW, Mercedes-Benz	dexos1 Gen3 · WSS-M2C961-A1 · LL-04 · MB 229.51	M5000 · M7000 Performance level, see TDS	1L · 4L · 200L
European low-SAPS, 0W grades Xe châu Âu mid-SAPS, cấp 0W	VW 508 00 / 509 00 · LL-12 FE · MB 229.61 / 229.71	TIGER ORANGE · M9000 PAO / full synthetic	1L · 200L
Automatic transmissions Hộp số tự động	DEXRON III / VI · MERCON LV · ZF 8HP type	ATF 220 / 6AT / 8HP / 9-10HP By transmission generation	1L · 200L
Belt and chain CVT CVT dây đai và xích	JASO 1A · NS-2 / NS-3 type	CVTF	1L · 200L
Wet dual-clutch gearboxes Hộp số ly hợp kép ướt	Getrag MTF LT-3 · MB 236.21 type	WET-DCTF	1L · 200L
Axles and manual gearboxes Cầu xe và hộp số tay	API GL-5 · 75W-90 / 80W-90 / 85W-140	GL-5 gear oil	4L · 18L · 200L
Engine cooling systems Hệ thống làm mát động cơ	ASTM D3306 / D6210 · OAT	OAT coolant -25 / -35 / -45 °C	1.5–200 kg

THE OWNER'S MANUAL DECIDES.

Specifications are grade-specific: check the grade's TDS before quoting a car-maker level to a customer.

Sổ tay chủ xe là căn cứ; quy cách hãng xe áp theo từng cấp độ nhớt — xem TDS của cấp đó trước khi báo cho khách.

PERFORMANCE YOU CAN PUT ON A SHELF.

TIGER full synthetic engine oils: three colours, three jobs, easy to sell.

Hiệu năng dễ hiểu, dễ bán trên kệ.

TIGER SERIES

TIGER full synthetic engine oils.

Dầu động cơ xăng tổng hợp toàn phần TIGER

Three full synthetic ranges in 1L retail packs, each colour for one kind of car. API SQ throughout; car-maker levels are grade-specific and stated as performance, not approval.

Ba dòng tổng hợp toàn phần, chai bán lẻ 1L, mỗi màu ứng với một nhóm xe. Toàn bộ đạt API SQ; quy cách của hãng xe áp theo từng cấp độ nhớt và là mức hiệu năng, không phải chứng nhận.

MOTTA TIGER BLUE Xe mới dùng hằng ngày

Everyday modern cars. API SQ · ILSAC GF-7A (5W-30) · ACEA C2 (5W-30) / C3 (5W-40)

5W-30 / 5W-40

Packs: 1L · 200L

MOTTA TIGER RED Công suất cao / hybrid

High-output and hybrid engines. API SQ · ILSAC GF-7A (0W-20 / 5W-30) · ACEA C3 (5W-40)

0W-20 / 5W-30 / 5W-40

Packs: 1L · 200L

MOTTA TIGER ORANGE Xe châu Âu 0W

European low-viscosity specs. VW 508 00 / 509 00 (0W-20) · MB 229.61 (0W-30) · MB 229.51 (0W-40)

0W-20 / 0W-30 / 0W-40

Packs: 1L · 200L



MOTTA TIGER BLUE 5W-30 · 1L

One colour per customer question.

Blue for daily driving, red for turbo and hybrid, orange for European 0W specs: the shelf explains itself.

Xanh cho xe hằng ngày, đỏ cho tăng áp và hybrid, cam cho xe châu Âu 0W — kệ hàng tự nói lên điều đó.

PRODUCT TECHNICAL PROFILE

MOTTA TIGER BLUE.

MOTTA TIGER BLUE

MOTTA TIGER BLUE Series

Full Synthetic Gasoline Engine Oil

SAE 5W-30 / SAE 5W-40



PROPERTY	UNIT	SAE 5W-30	SAE 5W-40
Kinematic Viscosity @ 100°C	cSt	10.6	13.8
Kinematic Viscosity @ 40°C	cSt	62	86
Viscosity Index		165	168
Cold Crank Viscosity @ -30°C	mPa·s	5600	6000
HTHS Viscosity @ 150°C	mPa·s	3.1	3.6
TBN	mg KOH/g	7.8	8.0
Flash Point (COC)	°C	226	230
Pour Point	°C	-42	-39

TYPICAL VALUES

Values of current production from the published English TDS; the batch COA ships with every order. “—” means no value is published for that grade.

PRODUCT TECHNICAL PROFILE

MOTTA TIGER RED.

MOTTA TIGER RED

MOTTA TIGER RED Series

High Performance Full Synthetic Gasoline Engine Oil

SAE 0W-20 / SAE 5W-30 / SAE 5W-40



PROPERTY	UNIT	SAE 0W-20	SAE 5W-30	SAE 5W-40
Kinematic Viscosity @ 100°C	cSt	8.5	10.7	14.0
Kinematic Viscosity @ 40°C	cSt	44	63	88
Viscosity Index		175	168	170
Cold Crank Viscosity @ -35°C	mPa·s	6000	—	—
HTHS Viscosity @ 150°C	mPa·s	2.6	3.1	3.7
TBN	mg KOH/g	7.8	7.9	8.2
Flash Point (COC)	°C	222	228	232
Pour Point	°C	-48	-42	-39
Density @ 15°C	kg/m³	843	852	857
Cold Crank Viscosity @ -30°C	mPa·s	—	5800	6200

TYPICAL VALUES

Values of current production from the published English TDS; the batch COA ships with every order. “—” means no value is published for that grade.

PRODUCT TECHNICAL PROFILE

MOTTA TIGER ORANGE.

MOTTA TIGER ORANGE

MOTTA TIGER ORANGE Series

High Performance Full Synthetic Gasoline Engine Oil

SAE 0W-20 / SAE 0W-30 / SAE 0W-40



PROPERTY	UNIT	SAE 0W-20	SAE 0W-30	SAE 0W-40
Kinematic Viscosity @ 100°C	cSt	8.4	10.1	13.4
Kinematic Viscosity @ 40°C	cSt	43	56	78
Viscosity Index		176	172	178
Cold Crank Viscosity @ -35°C	mPa·s	5900	6100	6200
HTHS Viscosity @ 150°C	mPa·s	2.6	3.0	3.6
TBN	mg KOH/g	7.6	7.7	8.2
Flash Point (COC)	°C	220	224	232
Pour Point	°C	-48	-48	-45

TYPICAL VALUES

Values of current production from the published English TDS; the batch COA ships with every order. “—” means no value is published for that grade.

ONE LADDER. EVERY PRICE POINT.

M Series: six steps from mineral to PAO full synthetic, so a distributor can cover the whole market.

Một dòng sản phẩm cho mọi phân khúc giá.

M SERIES

M Series engine oils, M1000 to M9000.

Dầu động cơ xăng dòng M, từ M1000 đến M9000

From entry mineral oil to PAO full synthetic. Car-maker levels are grade-specific and stated as performance; the TDS for each grade lists exactly which apply.

Từ dầu khoáng phổ thông đến tổng hợp PAO. Quy cách hãng xe áp theo từng cấp độ nhớt và là mức hiệu năng, nêu rõ trong TDS của từng cấp.

MOTTA M1000

Dầu khoáng

Mineral · API SN / API SL (10W-40)

5W-30 / 5W-40 / 10W-40

Packs: 4L · 200L

MOTTA M2000

Bán tổng hợp

Semi-synthetic · API SP

5W-30 / 5W-40

Packs: 4L · 200L

MOTTA M3000

Tổng hợp toàn phần

Full synthetic · API SQ · ILSAC GF-7A (5W-30)

5W-30 / 5W-40

Packs: 4L · 200L

MOTTA M5000

Tổng hợp toàn phần hiệu năng cao

API SQ · dexos1 Gen3 · BMW LL-04 · MB 229.51

0W-20 / 5W-30 / 5W-40

Packs: 1L · 4L · 200L

MOTTA M7000

Tổng hợp toàn phần gốc ester

Ester · MB 229.51 / 229.52 · BMW LL-04

5W-30 / 5W-40

Packs: 1L · 4L · 200L

MOTTA M9000

Tổng hợp toàn phần PAO

PAO · MB 229.71 · LL-12 FE · Volvo RB50-2AE

0W-20 / 0W-30 / 0W-40

Packs: 1L · 200L


MOTTA M3000 5W-30 · 4L

Car-maker levels belong to a grade, not the range.

M5000 5W-40 is not the same product as M5000 0W-20. Quote the level from that grade's TDS.

Quy cách hãng xe thuộc về một cấp độ nhớt, không phải cả dòng — xem TDS của cấp đó trước khi báo.

PRODUCT TECHNICAL PROFILE

MOTTA M1000 and M2000.

MOTTA M1000 gốc khoáng và M2000 bán tổng hợp

MOTTA M1000

Mineral Passenger-Car Engine Oil

SAE 5W-30 / SAE 5W-40 / SAE 10W-40

MOTTA M2000

Semi-Synthetic Passenger-Car Engine Oil

SAE 5W-30 / SAE 5W-40



PROPERTY	UNIT	M1000 SAE 5W-30	M1000 SAE 5W-40	M1000 SAE 10W-40	M2000 SAE 5W-30	M2000 SAE 5W-40
Kinematic Viscosity @ 100°C	cSt	11.0	14.0	14.5	11.2	14.1
Viscosity Index		128	130	132	148	150
Flash Point (COC)	°C	220	222	225	224	226
Pour Point	°C	-33	-30	-27	-36	-33

TYPICAL VALUES

Values of current production from the published English TDS; the batch COA ships with every order. “—” means no value is published for that grade.

PRODUCT TECHNICAL PROFILE

MOTTA M3000 full synthetic.

MOTTA M3000 tổng hợp toàn phần

MOTTA M3000

Full Synthetic Passenger-Car Engine Oil

SAE 5W-30 / SAE 5W-40



PROPERTY	UNIT	SAE 5W-30	SAE 5W-40
Kinematic Viscosity @ 100°C	cSt	11.3	14.1
Kinematic Viscosity @ 40°C	cSt	68	95
Viscosity Index		162	166
Flash Point (COC)	°C	226	228
Pour Point	°C	-39	-42
HTHS Viscosity @ 150°C	mPa·s	3.5	3.7

TYPICAL VALUES

Values of current production from the published English TDS; the batch COA ships with every order. “—” means no value is published for that grade.

PRODUCT TECHNICAL PROFILE

MOTTA M5000 full synthetic.

MOTTA M5000 tổng hợp toàn phần hiệu năng cao

MOTTA M5000

Full Synthetic Passenger-Car Engine Oil

SAE 0W-20 / SAE 5W-30 / SAE 5W-40



PROPERTY	UNIT	SAE 0W-20	SAE 5W-30	SAE 5W-40
Kinematic Viscosity @ 100°C	cSt	8.7	11.5	14.2
Viscosity Index		180	168	172
Flash Point (COC)	°C	220	228	232
Pour Point	°C	-48	-42	-39

TYPICAL VALUES

Values of current production from the published English TDS; the batch COA ships with every order. “—” means no value is published for that grade.

PRODUCT TECHNICAL PROFILE

MOTTA M7000 and M9000.

MOTTA M7000 gốc ester và M9000 gốc PAO

MOTTA M7000

Ester-Synthetic Passenger-Car Engine Oil

SAE 5W-30 / SAE 5W-40

MOTTA M9000

PAO Full Synthetic Passenger-Car Engine Oil

SAE 0W-20 / SAE 0W-30 / SAE 0W-40



PROPERTY	UNIT	M7000 SAE 5W-30	M7000 SAE 5W-40	M9000 SAE 0W-20	M9000 SAE 0W-30	M9000 SAE 0W-40
Kinematic Viscosity @ 100°C	cSt	11.5	14.3	8.5	10.5	14.5
Viscosity Index		172	176	190	192	195
Flash Point (COC)	°C	230	234	228	232	236
Pour Point	°C	-48	-45	-54	-51	-48

TYPICAL VALUES

Values of current production from the published English TDS; the batch COA ships with every order. “—” means no value is published for that grade.

SMOOTH SHIFTS START WITH THE FLUID.

ATF, CVT and wet dual-clutch fluids, gear oil and coolant.

Sang số êm hay không là do dầu.

TRANSMISSION, GEAR & COOLANT

Transmission fluids, gear oil and coolant.

Dầu hộp số, dầu bánh răng và nước làm mát

Transmission fluids are chosen by transmission type, not by viscosity alone. Match the fluid type the vehicle manual names; references below are performance types.

Dầu hộp số chọn theo loại hộp số, không chỉ theo độ nhớt. Loại dầu ghi trong sổ tay chủ xe là căn cứ; dưới đây là các nhóm hiệu năng để tham khảo.

MOTTA ATF

Dầu hộp số tự động

DEXRON III / VI · MERCON LV · ZF 8HP types

ATF 220 / 6AT / 8HP / 9-10HP

Packs: 1L · 200L

MOTTA CVTF

Dầu hộp số CVT

Belt and chain CVT · JASO 1A / NS-2 / NS-3

CVT fluid

Packs: 1L · 200L

MOTTA WET-DCTF

Dầu DCT ướt

Getrag MTF LT-3 · MB 236.21 type

Wet DCT fluid

Packs: 1L · 200L

MOTTA GL-5

Dầu bánh răng

Axles and manual gearboxes · API GL-5

75W-90 / 80W-90 / 85W-140

Packs: 4L · 18L · 200L

MOTTA OAT

Nước làm mát

Organic acid coolant · ASTM D3306 / D6210

-25 / -35 / -45 °C

Packs: 1.5 · 5 · 18 · 200 kg


MOTTA ATF 220 · 1L
CVT and wet DCT fluids are not ATF.

Using the wrong type harms the belt or the clutch pack. Confirm the transmission before you order.

Dầu CVT và dầu ly hợp kép không thể thay bằng ATF — xác nhận loại hộp số trước khi đặt hàng.

PRODUCT TECHNICAL PROFILE

MOTTA ATF series.

Dầu hộp số tự động MOTTA ATF

MOTTA ATF Series

Automatic Transmission Fluid

ATF 220 / 6AT / 8HP / 9/10HP



PROPERTY	UNIT	ATF-220	ATF-8HP	ATF-9-10HP
Kinematic Viscosity @ 100°C	cSt	7.5	5.9	5.6
Kinematic Viscosity @ 40°C	cSt	36	28	26
Viscosity Index		170	165	165
Brookfield Viscosity @ -40°C	mPa·s	18000	12000	11000
Flash Point (COC)	°C	210	208	206
Pour Point	°C	-42	-45	-45
Density @ 15°C	kg/m³	860	848	846

TYPICAL VALUES

Values of current production from the published English TDS; the batch COA ships with every order. ATF-6AT: typical values sent with your quote.

PRODUCT TECHNICAL PROFILE

MOTTA CVTF and WET-DCTF.

Dầu CVT và DCT ướt MOTTA

MOTTA CVTF

Continuously Variable Transmission Fluid

MOTTA WET-DCTF

Wet Dual Clutch Transmission Fluid



PROPERTY	UNIT	CVTF	WET-DCTF
Kinematic Viscosity @ 100°C	cSt	7.0	7.1
Kinematic Viscosity @ 40°C	cSt	34	35
Viscosity Index		180	175
Brookfield Viscosity @ -40°C	mPa·s	16000	15000
Flash Point (COC)	°C	210	212
Pour Point	°C	-45	-42
Density @ 15°C	kg/m³	855	856

TYPICAL VALUES

Values of current production from the published English TDS; the batch COA ships with every order. “—” means no value is published for that grade.

PRODUCT TECHNICAL PROFILE

MOTTA GL-5 gear oil.

Dầu bánh răng MOTTA GL-5

MOTTA GL-5 Series

Automotive Gear Oil

SAE 75W-90 / 80W-90 / 85W-140



PROPERTY	UNIT	SAE 80W-90	SAE 85W-140
Kinematic Viscosity @ 100°C	cSt	15.0	27.5
Kinematic Viscosity @ 40°C	cSt	145	410
Viscosity Index		100	95
Flash Point (COC)	°C	220	230
Pour Point	°C	-27	-18
Density @ 15°C	kg/m³	900	910
Copper Corrosion, 3 h @ 100°C	rating	1b	1b
FZG Scuffing Load Stage	stage	12	12

TYPICAL VALUES

Values of current production from the published English TDS; the batch COA ships with every order. SAE 75W-90: typical values sent with your quote.

PRODUCT TECHNICAL PROFILE

MOTTA OAT coolant.

Nước làm mát OAT MOTTA

MOTTA OAT Series

Organic Acid Technology Coolant

-25°C / -35°C / -45°C



PROPERTY	UNIT	-25°C	-45°C
Appearance		Clear coloured liquid	Clear coloured liquid
Freezing Point	°C	-25	-45
Density @ 20°C	g/cm³	1.050	1.075
pH	50% v/v	8.3	8.4
Boiling Point	°C	108	112
Glycol Content	% wt	38	55

TYPICAL VALUES

Values of current production from the published English TDS; the batch COA ships with every order. -35°C: typical values sent with your quote.

QUALITY

Quality you can check for yourself.

Chất lượng bạn tự kiểm chứng được

We would rather you verify than take our word for it. Every point below is something you can check before, or on, your first order.

Đừng chỉ nghe chúng tôi nói, hãy tự kiểm chứng. Mỗi mục dưới đây đều kiểm tra được trước khi đặt hàng hoặc ngay đơn đầu tiên.

BATCH COA WITH EVERY ORDER

Each shipment carries the certificate of analysis for its batch. Compare it with the published TDS.

COA cho từng lô, đối chiếu được với TDS

DOCUMENTS BEFORE YOU BUY

125 technical data sheets and 22 operation handbooks are public at motta-lube.com, no form to fill.

TDS và sổ tay công bố trước khi đặt hàng

SEE THE PRODUCTION

Visit the plant, or ask for a live video audit, before you commit to an order.

Thăm nhà máy hoặc kiểm tra qua video trước khi đặt hàng

TEST IT FIRST

Retail-pack samples free for your own lab. You pay the freight, or it is credited to your first order.

Mẫu bán lẻ miễn phí: tự kiểm nghiệm trước khi đặt hàng



Laboratory at our long-term manufacturing partner in China

ASK FOR THE SAMPLE, THE COA AND A VIDEO AUDIT.

Tell us the product and your port. We send the sample and the documents, and book the audit at a time that suits you.

Cho biết sản phẩm và cảng — chúng tôi gửi mẫu, gửi hồ sơ và hẹn kiểm tra qua video.

DOCUMENTS & ORDERING

Ready for your shelf and your paperwork.

Đủ thứ cho kệ hàng và đủ thứ cho hồ sơ

TECHNICAL DATA SHEET

An English TDS for every product, downloadable at motta-lube.com without a form.

Bảng dữ liệu kỹ thuật

OPERATION HANDBOOK

Use, storage and oil-change guidance for the M, TIGER and transmission ranges.

Sổ tay sử dụng và xử lý

SAFETY DATA SHEET

The SDS comes with your quote, in the language your market needs.

Bảng dữ liệu an toàn

CERTIFICATE OF ANALYSIS

A batch COA ships with every order.

COA theo lô

BUILDING A RANGE FROM SCRATCH?

Tell us the price points you sell at. We suggest a ladder from M1000 to M9000 or TIGER that fits them.

Cho biết phân khúc giá, chúng tôi dựng dòng sản phẩm từ M1000 đến M9000 hoặc theo TIGER.

HOW TO ORDER

1

Tell us your market

The cars on your roads, the grades you sell, the packs you need.

2

Get the range and a price

Answered within 24 hours, weekends included.

3

Approve samples and label

Free samples; free label design for your brand.

4

Ship in 15–25 working days

T/T: 30% deposit, balance before shipment. FOB Xiamen; CFR and CIF quoted.

TELL US YOUR MARKET. WE BUILD THE SHELF.

The cars on your roads, the grades you sell and the volume. You get the range, the data sheets and a price within 24 hours.

Xe ở thị trường của bạn, cấp dầu và sản lượng bạn bán — dòng sản phẩm, TDS và giá trong 24 giờ

EXPORT TEAM

Simon Cheung

simon@mottalube.com | WhatsApp +86 136 6601 3779

Jed

jed@mottalube.com | WhatsApp +86 136 6602 0920

www.motta-lube.com | TIANSHU ENERGY GROUP CO., LIMITED, Hong Kong

Edition 2026-09 | EN-VI